

Số: 1214 /QĐ-BNN-TY

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung  
lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp  
và Phát triển nông thôn**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thú y.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này được quy định tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/5/2024.

1. Bãi bỏ các nội dung công bố tại số thứ tự 1, 2 mục 1 Phần I (Danh mục thủ tục hành chính) và nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính tương ứng tại Phần II tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3522/QĐ-BNN-TY ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**2.** Bãi bỏ các nội dung công bố tại số thứ tự 31, 36, 37, 38 mục A (Thủ tục hành chính cấp Trung ương) và số thứ tự 15 mục B (Thủ tục hành chính cấp tỉnh) tại khoản 1 (Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) Phần I (Danh mục thủ tục hành chính) và nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính tương ứng tại Phần II ban hành kèm theo Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY ngày 27/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**3.** Bãi bỏ các nội dung công bố số thứ tự 45, 48, 57, 60 Phần A (Thủ tục hành chính cấp trung ương) và số thứ tự 95 Phần B (Thủ tục hành chính cấp tỉnh) tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí lĩnh vực Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Trồng trọt, Thú y, Nông nghiệp, Thủy sản, Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Thú y, Thủ trưởng các Cục, Vụ, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Tổng cục Hải quan;
- Trung tâm Tin học và Thống kê (Cổng Thông tin điện tử Bộ NN&PTNT);
- Văn phòng Bộ (Phòng KSTTHC);
- Báo Nông nghiệp Việt Nam;
- Lưu: VT, TY.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Phùng Đức Tiến**

Phụ lục

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC THÚ Y THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TY ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

| STT | Số hồ sơ TTHC                     | Tên thủ tục hành chính                                                       | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                                                                                               | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện                                                                                                        | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                        |
|-----|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A.  | Thủ tục hành chính cấp Trung ương |                                                                              |                                                                                                                                                                                                             |          |                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                |
| 1.  | 1.003264                          | Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu             | Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn | Thú y    | Cục Thú y                                                                                                                | Tên TTHC trước khi được sửa đổi, bổ sung là: <i>Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu; đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc động vật nhập khẩu</i> |
| 2.  | 1.003113                          | Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu | Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động              | Thú y    | Chi cục Thú y vùng hoặc Chi cục Kiểm dịch động vật vùng thuộc Cục Thú y hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh | Tên TTHC trước khi được sửa đổi, bổ sung là: <i>Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu; kiểm tra xác</i>                                                                                 |

|    |          |                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                             |       |                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                              |
|----|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |          |                                                                                                                                          | vật trên cạn                                                                                                                                                                                                |       | được Cục Thú y ủy quyền (Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu)                                                                                                                          | nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc động vật nhập khẩu                                                                                                                          |
| 3. | 1.003407 | Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn xuất khẩu                                                             | Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn | Thú y | Chi cục Thú y vùng hoặc Chi cục Kiểm dịch động vật vùng thuộc Cục Thú y hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh được Cục Thú y ủy quyền (Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu) |                                                                                                                                                                                                              |
| 4. | 2.001055 | Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam | Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn | Thú y | Cục Thú y                                                                                                                                                                              | Tên TTHC trước khi được sửa đổi, bổ sung là: <i>Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, kho ngoại quan, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam</i> |
| 5. | 1.002439 | Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản                                                                                              | Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ                                                                                                                                                        | Thú y | Chi cục Thú y vùng hoặc Chi cục Kiểm dịch                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                              |

|          |                                    |                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                             |       |                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                  |
|----------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|          |                                    | phẩm động vật trên cạn tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam | trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn                                                      |       | động vật vùng thuộc Cục Thú y hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh được Cục Thú y ủy quyền (Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu)                                                      |                                                                                                                                                  |
| 6.       | 1.002391                           | Đăng ký, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập, xuất kho ngoại quan    | Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn | Thú y | Cục Thú y; Chi cục Thú y vùng hoặc Chi cục Kiểm dịch động vật vùng thuộc Cục Thú y hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh được Cục Thú y ủy quyền (Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu) | Tên TTHC trước khi được sửa đổi, bổ sung là: <i>Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập, xuất kho ngoại quan</i> |
| <b>B</b> | <b>Thủ tục hành chính cấp tỉnh</b> |                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                             |       |                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                  |
| 1.       | 1.002338                           | Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh   | Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về                                                | Thú y | Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh hoặc Trạm thuộc Chi cục có chức năng quản                                                                                                |                                                                                                                                                  |

|  |  |  |                                                      |  |                                                                                                                             |  |
|--|--|--|------------------------------------------------------|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  |  |  | kiểm dịch động<br>vật, sản phẩm động<br>vật trên cạn |  | lý chuyên<br>ngành thú y<br>cấp tỉnh<br>được ủy<br>quyền (sau<br>đây gọi là<br>cơ quan<br>kiểm dịch<br>động vật<br>nội địa) |  |
|--|--|--|------------------------------------------------------|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|

## **PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THÚ Y THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

### **1. Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu**

#### **a) Trình tự thực hiện**

Bước 1: Trước khi nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật trên cạn, chủ hàng gửi Cục Thú y 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc dịch vụ bưu chính hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax sau đó gửi bản chính hoặc trực tiếp.

Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; căn cứ tình hình dịch bệnh, hệ thống quản lý giám sát dịch bệnh, giám sát vệ sinh thú y của nước xuất khẩu, Cục Thú y có văn bản hướng dẫn kiểm dịch gửi chủ hàng, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu qua Cổng thông tin một cửa quốc gia (đối với trường hợp chủ hàng đăng ký trên Cổng thông tin một cửa quốc gia) hoặc gửi thư điện tử (đối với trường hợp chủ hàng đăng ký qua dịch vụ bưu chính, bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp).

Trường hợp động vật, sản phẩm động vật từ quốc gia, vùng lãnh thổ lần đầu tiên đăng ký nhập khẩu vào Việt Nam hoặc từ quốc gia, vùng lãnh thổ có nguy cơ cao về dịch bệnh động vật phải được Cục Thú y tiến hành phân tích nguy cơ theo quy định tại Điều 43 Luật Thú y.

**b) Cách thức thực hiện:** qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính, bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax sau đó gửi bản chính hoặc gửi trực tiếp.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị hướng dẫn kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu theo Mẫu 19 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT). Đối với hồ sơ đăng ký kiểm dịch nhập khẩu bột thịt xương, văn bản đề nghị theo Mẫu 20 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT);

- Văn bản hoặc giấy phép theo quy định đối với động vật, sản phẩm động vật thuộc đối tượng quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan khác;

- Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y của cơ sở sản xuất gia công, chế biến hàng xuất khẩu trong trường hợp động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu để gia công, chế biến hàng xuất khẩu.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Thú y.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch.

**h) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Đơn đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu theo Mẫu 19 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT) hoặc Đơn đăng ký kiểm dịch nhập khẩu bột thịt xương Mẫu 20 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Thú y ngày 19/6/2015;
- Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;
- Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016;
- Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;
- Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.



CÔNG TY.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ: .....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tel: .....

Fax: .....

Email: .....

Số: ...../.....

....., ngày tháng năm 20....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU****Kính gửi: Cục Thú y**

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty, Giám đốc Công ty.....  
 ..... đề nghị Cục Thú y hướng dẫn Công ty được kiểm dịch nhập khẩu lô hàng:

**I. ĐỘNG VẬT**

| STT | Loại động vật  | Mã số HS (mã HS theo quy định hiện hành là mã HS 8 số) | Số lượng (con) <sup>(1)</sup> |     | Nước xuất xứ | Cửa khẩu nhập |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------|-------------------------------|-----|--------------|---------------|
|     |                |                                                        | Đực                           | Cái |              |               |
|     |                |                                                        |                               |     |              |               |
|     |                |                                                        |                               |     |              |               |
|     |                |                                                        |                               |     |              |               |
|     | <b>Tổng số</b> |                                                        |                               |     |              |               |

- Từ Công ty: .....

Địa chỉ: .....

- Tên trang trại.....

Địa chỉ.....

- Thời gian thực hiện: .....

- Mục đích sử dụng: .....

- Địa điểm nuôi cách ly kiểm dịch:.....

- Các giấy tờ có liên quan kèm theo: .....

**II. SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT**

| STT | Tên hàng | Mã số HS (mã HS theo quy định hiện hành là mã HS 8 số) | Số lượng <sup>(1)</sup><br>(tấn) | Nước xuất xứ | Cửa khẩu nhập |
|-----|----------|--------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------|---------------|
|-----|----------|--------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------|---------------|

|  |                |  |  |  |  |
|--|----------------|--|--|--|--|
|  |                |  |  |  |  |
|  | <b>Tổng số</b> |  |  |  |  |

- Từ Công ty: .....

.....

Địa chỉ: .....

.....

.....

- Từ Nhà máy sản xuất, chế biến: .....

Địa chỉ: .....

.....

- Thời gian thực hiện: .....

- Mục đích sử dụng: .....

- Các giấy tờ có liên quan kèm theo: .....

.....

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y.

**CÔNG TY .....**

**Giám đốc**

*(Ký tên, đóng dấu)*

*(1): Số lượng động vật, sản phẩm động vật có thể dự trữ nhập khẩu trong 03 tháng*

CÔNG TY .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ: .....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tel: .....

Fax: .....

Email: .....

Số: ...../.....

....., ngày tháng năm 20....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH NHẬP KHẨU BỘT THỊT XƯƠNG****Kính gửi: Cục Thú y**

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty, Giám đốc Công ty.....  
 .....đề nghị Cục Thú y hướng dẫn Công ty được kiểm dịch nhập khẩu lô hàng bột  
 thịt xương:

| STT | Tên hàng       | Mã số HS (mã HS theo quy định<br>hiện hành là mã HS 8 số) | Số lượng <sup>(1)</sup><br>(tấn) | Nước xuất<br>xứ | Cửa khẩu<br>nhập |
|-----|----------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|------------------|
|     |                |                                                           |                                  |                 |                  |
|     |                |                                                           |                                  |                 |                  |
|     |                |                                                           |                                  |                 |                  |
|     | <b>Tổng số</b> |                                                           |                                  |                 |                  |

- Từ Công ty: .....

Địa chỉ: .....

- Từ Nhà máy sản xuất, chế biến: .....

Địa chỉ: .....

- Thời gian thực hiện: .....

- Mục đích sử dụng: chế biến thức ăn chăn nuôi cho lợn và gia cầm.

- Các giấy tờ có liên quan kèm theo: .....

Chúng tôi cam kết không sử dụng bột thịt xương của loài nhai lại để sản xuất thức ăn  
 cho loài nhai lại và cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y

CÔNG TY .....

**Giám đốc**

(Ký tên, đóng dấu)

(1): Số lượng có thể dự trữ nhập khẩu trong 03 tháng.

## **2. Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu**

### **a) Trình tự thực hiện**

Bước 1: Trước khi hàng về đến cửa khẩu, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đến cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính, bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax sau đó gửi bản chính hoặc gửi trực tiếp.

Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật hợp lệ, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu quyết định và thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm dịch về địa điểm, thời gian để tiến hành kiểm dịch.

Bước 3: Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch theo quy định tại Điều 47 Luật Thú y, cụ thể:

#### *\* Đối với động vật nhập khẩu:*

- Kiểm tra hồ sơ khai báo kiểm dịch, tình trạng sức khỏe của động vật; nếu hồ sơ hợp lệ, động vật không có dấu hiệu mắc bệnh nguy hiểm thì xác nhận để làm thủ tục và chuyển động vật đến khu cách ly kiểm dịch hoặc đến địa điểm đã được kiểm tra, có đủ điều kiện để cách ly kiểm dịch (Chủ hàng có trách nhiệm bố trí địa điểm cách ly kiểm dịch; Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu, Trung tâm Kiểm tra vệ sinh thú y có trách nhiệm kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y bảo đảm để cách ly kiểm dịch động vật); Giám sát động vật tại khu cách ly kiểm dịch hoặc tại địa điểm có đủ điều kiện cách ly kiểm dịch; thời gian theo dõi cách ly kiểm dịch phù hợp với từng loài động vật, từng bệnh được kiểm tra nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày bắt đầu cách ly kiểm dịch;

- Lấy mẫu kiểm tra bệnh động vật, áp dụng các biện pháp phòng bệnh bắt buộc cho động vật theo quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT, Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT);

- Hướng dẫn chủ hàng thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng, tiêu độc.

#### *\* Đối với sản phẩm động vật nhập khẩu:*

- Kiểm tra hồ sơ khai báo kiểm dịch, thực trạng hàng hoá, nếu đạt yêu cầu thì lấy mẫu kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo quy định;

- Hướng dẫn chủ hàng thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng, tiêu độc.

Trường hợp động vật, sản phẩm động vật không đạt yêu cầu thì lập biên bản và xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với lô hàng nhập khẩu với mục đích làm mẫu, có trọng lượng dưới 50 kg được miễn Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu, miễn lấy mẫu kiểm tra.

Bước 4: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và thông báo cho cơ quan quản lý chuyên ngành thú y nơi đến:

- Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu đối với động vật đạt yêu cầu vệ sinh thú y theo Mẫu 15a ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

- Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu đối với sản phẩm động vật đạt yêu cầu vệ sinh thú y theo Mẫu 15b ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

**b) Cách thức thực hiện:** qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính, bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax sau đó gửi bản chính hoặc gửi trực tiếp.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- \* Thành phần hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật:

- Đơn khai báo kiểm dịch theo Mẫu 3 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT);

- Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu (miễn trong trường hợp nhập khẩu lô hàng sản phẩm động vật làm mẫu có trọng lượng dưới 50 kg).

- \* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật hợp lệ, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu quyết định và thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm dịch về địa điểm, thời gian để tiến hành kiểm dịch.

- Thời gian theo dõi cách ly kiểm dịch phù hợp với từng loài động vật, từng bệnh được kiểm tra nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày bắt đầu cách ly kiểm dịch.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Chi cục Thú y vùng hoặc Chi cục Kiểm dịch động vật vùng thuộc Cục Thú y hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh được Cục Thú y ủy quyền (Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu).

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu theo Mẫu số 15a, 15b Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

- Hiệu lực của Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu: 60 ngày (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

**h) Phí, lệ phí:**

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn: Theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

**i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Đơn khai báo kiểm dịch theo Mẫu 3 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Thú y ngày 19/6/2015;

- Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

- Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

- Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng .....năm .....

**ĐƠN KHAI BÁO KIỂM DỊCH (\*)**

Số: ...../ĐK-KD

Kính gửi: .....(\*\*)

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....Fax .....E-mail .....

Đề nghị quý Cơ quan kiểm dịch lô hàng (\*\*\*) : .....(nhập khẩu, TNTX, quá cảnh lãnh thổ,...)

1. Tên hàng: .....

1a. Mã số HS (mã HS theo quy định hiện hành là mã HS 8 số): .....

2. Nơi sản xuất: .....

3. Số lượng: .....

4. Trọng lượng tịnh: .....

5. Trọng lượng cả bì: .....

6. Loại bao bì: .....

7. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán (L/C, TTr...): .....

8. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu: .....

9. Nước xuất khẩu: .....

10. Cửa khẩu xuất: .....

11. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu: .....

12. Nước nhập khẩu: .....

13. Phương tiện vận chuyển: .....

14. Cửa khẩu nhập: .....

15. Mục đích sử dụng: .....

16. Văn bản chấp thuận kiểm dịch của Cục Thú y (nếu có): .....

17. Địa điểm kiểm dịch: .....

18. Thời gian kiểm dịch: .....

19. Địa điểm giám sát (nếu có): .....

20. Thời gian giám sát: .....

21. Số bản giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp: .....



22. Số, ngày vận đơn/hoặc hợp đồng vận chuyển (nếu có):.....

Chúng tôi xin cam kết: bảo đảm nguyên trạng hàng hóa nhập khẩu, đưa về đúng địa điểm, đúng thời gian được đăng ký và chỉ đưa hàng hóa ra lưu thông sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch (\*\*\*\*).

**TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT:**

Đồng ý đưa hàng hóa về địa điểm: .....

để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi ..... giờ, ngày ..... tháng ..... năm .....

Vào sổ số ....., ngày ..... tháng ..... năm.....

.....(\*\*)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

---

(\*) Đăng ký theo mẫu này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;

(\*\*) Tên Cơ quan Kiểm dịch;

(\*\*\*) Phải có đầy đủ các tiêu chí theo đúng thứ tự và khai các tiêu chí thích hợp đối với lô hàng;

(\*\*\*\*) Cam kết này chỉ ghi khi đăng ký kiểm dịch đối với hàng hóa nhập khẩu;

Lưu ý: Cá nhân đăng ký không có con dấu phải ghi rõ Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân, ngày tháng và nơi cấp.

**TÊN CƠ QUAN KIỂM  
DỊCH ĐỘNG VẬT**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU**

Số: ...../CN-KĐĐVNK

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện): .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân: .....Cấp ngày ...../...../.....

tại .....

Điện thoại: .....Fax: .....Email: .....

Có nhập khẩu số động vật sau:

| Loại động vật  | Tuổi | Tính biệt |     | Số lượng<br>(con) | Mục đích sử dụng |
|----------------|------|-----------|-----|-------------------|------------------|
|                |      | Đực       | Cái |                   |                  |
|                |      |           |     |                   |                  |
|                |      |           |     |                   |                  |
|                |      |           |     |                   |                  |
| <b>Tổng số</b> |      |           |     |                   |                  |

Tổng số (viết bằng chữ): .....

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu: .....

Nước xuất khẩu: ..... Nước quá cảnh (nếu có) .....

Nơi chuyển đến: .....

Các vật dụng khác có liên quan: .....

Hồ sơ giấy tờ có liên quan: .....

Số, ngày vận đơn/hợp đồng vận chuyển (nếu có): .....

Phương tiện vận chuyển: .....

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH**

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số động vật nêu trên:

1. Có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.
2. Đã được kiểm tra và không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi nhập khẩu.

3. Số động vật trên đã được tiêm phòng và có miễn dịch với các bệnh:

a/ .....Tiêm phòng ngày ...../...../.....

b/ .....Tiêm phòng ngày ...../...../.....

c/ .....Tiêm phòng ngày ...../...../.....

4. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng .....nồng độ.....

5. Động vật đã được xét nghiệm và cho kết quả âm tính với các bệnh..... tại kết quả xét nghiệm số...../ ..... ngày...../...../.....của..... (nếu có)

*Giấy có giá trị đến:*  
...../...../.....

*Cấp tại ....., ngày .../.../....*

**Kiểm dịch viên động vật**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**TÊN CƠ QUAN KIỂM  
DỊCH ĐỘNG VẬT**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU**

Số: ...../CN-KDSPĐVNK

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện): .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Có nhập khẩu số sản phẩm động vật sau:

| Loại hàng      | Quy cách đóng gói | Số lượng (1) | Trọng lượng (kg) | Mục đích sử dụng |
|----------------|-------------------|--------------|------------------|------------------|
|                |                   |              |                  |                  |
|                |                   |              |                  |                  |
|                |                   |              |                  |                  |
| <b>Tổng số</b> |                   |              |                  |                  |

Tổng số (viết bằng chữ): .....

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu: .....

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất, chế biến: .....

Nước xuất khẩu: ..... Nước quá cảnh (nếu có): .....

Cửa khẩu nhập vào Việt Nam: ..... Thời gian nhập: ...../...../.....

Nơi chuyển đến: .....

Các vật dụng khác có liên quan: .....

Hồ sơ giấy tờ có liên quan: .....

Số, ngày vận đơn/hợp đồng vận chuyển (nếu có): .....

Phương tiện vận chuyển: .....

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH**

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số sản phẩm động vật nêu trên:

1. Có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.
2. Đã được kiểm tra và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y khi nhập khẩu.
3. Sản phẩm động vật được bao gói, bảo quản theo quy định.

4. Số sản phẩm động vật trên đã được khử trùng tiêu độc bằng ..... nồng độ ..... (nếu có).

5. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng ..... nồng độ .....

6. Sản phẩm động vật đã được xét nghiệm và cho kết quả âm tính với các bệnh..... tại kết quả xét nghiệm số...../..... ngày...../...../..... của..... (nếu có)

*Giấy có giá trị đến:*  
...../...../.....

*Cấp tại ....., ngày .... / .... / ....*

**Kiểm dịch viên động vật**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(1) Số lượng kiện, thùng, hộp, .....

### **3. Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn xuất khẩu**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Trước khi xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật có yêu cầu kiểm dịch, chủ hàng phải đăng ký kiểm dịch với Chi cục Thú y vùng, Chi cục Kiểm dịch động vật vùng thuộc Cục Thú y hoặc Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh được Cục Thú y ủy quyền (sau đây gọi là cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu).

Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền quyết định và thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm dịch về địa điểm và thời gian tiến hành kiểm dịch;

Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 05 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch phải thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ gốc hoặc trực tiếp.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký kiểm dịch theo Mẫu 2 phụ lục V Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT);

- Yêu cầu vệ sinh thú y của nước nhập khẩu hoặc chủ hàng (nếu có);

- Mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu (nếu có).

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

#### **d) Thời hạn giải quyết:**

- Thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm dịch về địa điểm và thời gian tiến hành kiểm dịch: 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ;

- Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch: 05 ngày làm việc, kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Chi cục Thú y vùng hoặc Chi cục Kiểm dịch động vật vùng thuộc Cục Thú y hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh được Cục Thú y ủy quyền (Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu).

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu theo Mẫu số 13a, 13b Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

- Hiệu lực của Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu: 180 ngày (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

#### **h) Phí, lệ phí:**

- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật: Theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

**i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Đơn khai báo kiểm dịch theo Mẫu 2 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT);

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

#### **l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Thú y ngày 19/6/2015;

- Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

- Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

- Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU**

Số: ...../ĐK-KDXK

Kính gửi: .....

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện): .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân: ..... Cấp ngày ...../...../.....  
 tại .....

Điện thoại: .....Fax: .....Email: .....

Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

**I/ ĐỘNG VẬT:**

| Loại động vật  | Mã số HS (mã HS theo quy định hiện hành là mã HS 8 số) | Giống | Tuổi | Tính biệt |     | Mục đích sử dụng |
|----------------|--------------------------------------------------------|-------|------|-----------|-----|------------------|
|                |                                                        |       |      | Đực       | Cái |                  |
|                |                                                        |       |      |           |     |                  |
|                |                                                        |       |      |           |     |                  |
|                |                                                        |       |      |           |     |                  |
|                |                                                        |       |      |           |     |                  |
|                |                                                        |       |      |           |     |                  |
| <b>Tổng số</b> |                                                        |       |      |           |     |                  |

Tổng số (viết bằng chữ): .....

Nơi xuất phát: .....

Tình trạng sức khỏe động vật: .....

Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với bệnh: .....

..... theo Quyết định số ...../.....ngày...../...../.....của  
 ..... (1) .....(nếu có).

Số động vật trên đã được xét nghiệm các bệnh sau (nếu có):

1/ .....Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

2/ .....Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....



3/ .....Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

4/ .....Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

5/ .....Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

Số động vật trên đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh sau (loại vắc xin, nơi sản xuất):

1/ .....tiêm phòng ngày...../...../.....

2/ .....tiêm phòng ngày...../...../.....

3/ .....tiêm phòng ngày...../...../.....

4/ .....tiêm phòng ngày...../...../.....

5/ .....tiêm phòng ngày...../...../.....

## II/ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT:

| Tên hàng | Mã số HS (mã HS theo quy định hiện hành là mã HS 8 số) | Quy cách đóng gói | Số lượng (2) | Khối lượng (kg) | Mục đích sử dụng |
|----------|--------------------------------------------------------|-------------------|--------------|-----------------|------------------|
|          |                                                        |                   |              |                 |                  |
|          |                                                        |                   |              |                 |                  |
|          |                                                        |                   |              |                 |                  |
|          |                                                        |                   |              |                 |                  |
|          | <b>Tổng số</b>                                         |                   |              |                 |                  |

Tổng số (viết bằng chữ): .....

Số sản phẩm động vật trên đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo kết quả xét nghiệm số ...../.....ngày...../...../.....của .....(3)..... (nếu có).

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất: .....

.....

Điện thoại: .....Fax: .....

## III/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân nhập khẩu: .....

.....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Cửa khẩu xuất: .....

Thời gian hàng đến cửa khẩu xuất: .....Phương tiện vận chuyển:.....

Nước nhập khẩu: .....Nước quá cảnh (nếu có): .....

Điều kiện bảo quản hàng trong vận chuyển: .....

Các vật dụng khác có liên quan kèm theo trong vận chuyển: .....

.....

Hồ sơ giấy tờ liên quan đến hàng vận chuyển gồm: .....

.....

.....  
 Địa điểm cách ly kiểm dịch: .....

Thời gian tiến hành kiểm dịch: .....

Tôi xin cam đoan việc khai báo trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

**Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH**

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm.....

..... vào hồi ..... giờ..... ngày ...../...../.....

Vào sổ đăng ký số..... ngày ...../...../.....

Đăng ký tại.....

Ngày .....tháng .....năm .....

**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT**

(Ký, ghi rõ họ tên)

- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;
- (1) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận.
- (2) Số lượng kiện, thùng, hộp, ....
- (3) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH  
ĐỘNG VẬT NAME OF ANIMAL  
HEALTH ORGANIZATION



NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU

### ANIMAL HEALTH CERTIFICATE FOR EXPORT

Số: ...../CN-KĐDVXK

Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng: .....

Name and address of exporter:

.....

Tel: ..... Fax: ..... Email: .....

Nơi xuất phát của động vật: .....

Place of origin of the animal/s:

### I. MÔ TẢ CHI TIẾT HÀNG

#### IDENTIFICATION OF THE ANIMAL/S

| Số hiệu<br>Official mark | Giống<br>Breed | Tính biệt<br>Sex | Tuổi<br>Age |
|--------------------------|----------------|------------------|-------------|
|                          |                |                  |             |
|                          |                |                  |             |
|                          |                |                  |             |

Tổng số: .....

Total:

### II. XUẤT ĐI

#### DESTINATION OF THE ANIMAL/S

Nước nhập hàng: ..... Phương tiện vận chuyển: .....

Country of destination: ..... Means of transport:

Tên, địa chỉ người nhận hàng: .....

Name and address of consignee:

.....

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH****HEALTH CERTIFICATE**

Tôi, bác sĩ thú y ký tên dưới đây chứng nhận số động vật trên đã được kiểm tra:

*I, the undersigned official Veterinarian certify that the animal/s described above was/were examined:*

a/ Không có biểu hiện lâm sàng bệnh truyền nhiễm trong ngày xuất phát.

*Showed no clinical sign of contagious diseases on the day of shipment.*

b/ Đáp ứng được các yêu cầu sau:

*Satisfies/satisfy the following requirements:*

.....  
 .....  
 .....

Giấy có giá trị đến:  
 ...../...../.....

*Valid up to*

Giấy này làm tại ..... ngày .... / .... / ....

*Issued at*

*on*

**Bác sĩ thú y** (Ký, ghi rõ họ tên)  
**Veterinarian** (Signature, full name)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)  
**DIRECTOR** (Signature, stamp, full name)

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG  
VẬT NAME OF ANIMAL HEALTH  
ORGANIZATION



NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU**  
**HEALTH CERTIFICATE FOR EXPORT OF ANIMAL PRODUCTS**

Số: ...../CN-KDSPĐVXK

Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng: .....

Name and address of exporter:

.....

Tel: ..... Fax: ..... Email: .....

Tên, địa chỉ người nhận hàng: .....

Name and address of consignee:

.....

Loại sản phẩm: .....

Type of products:

Quy cách đóng gói: .....

Type of package:

Số kiện hàng: ..... Khối lượng: .....

Number of package:

Net weight:

Tên, địa chỉ nhà máy sản xuất, chế biến hàng: .....

Name and address of the processing establishment:

.....

Tel: ..... Fax: .....

Phương tiện vận chuyển: .....

Means of transport:

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH**  
**HEALTH CERTIFICATE**

Tôi, bác sĩ thú y ký tên dưới đây chứng nhận số sản phẩm động vật trên đáp ứng được các yêu cầu sau:

*I, the undersigned official Veterinarian certify that the products described above satisfy the following requirement:*

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Giấy có giá trị đến:  
...../...../.....  
*Valid up to*

**Bác sĩ thú y**(Ký, ghi rõ họ tên)  
**Veterinarian** (Signature, full name)

Giấy này làm tại ..... ngày .... / .... / ....  
*Issued at* *on*

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)  
**DIRECTOR**(Signature, stamp, full name)

#### **4. Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam**

##### **a) Trình tự thực hiện:**

Trước khi tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch tới Cục Thú y theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax sau đó gửi bản chính hoặc gửi trực tiếp.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, căn cứ tình hình dịch bệnh, hệ thống quản lý giám sát dịch bệnh, giám sát vệ sinh thú y của nước xuất khẩu, Cục Thú y có văn bản hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax sau đó gửi bản chính hoặc gửi trực tiếp.

##### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ: Đơn đăng ký kiểm dịch theo Mẫu 17 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT) để đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam.

- Hợp đồng thương mại.

- Văn bản hoặc giấy phép theo quy định đối với động vật, sản phẩm động vật thuộc đối tượng quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có liên quan khác.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

##### **d) Thời hạn giải quyết:**

Ban hành văn bản hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Thú y

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản hướng dẫn

**h) Phí, lệ phí:** Không quy định

**i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Đơn đăng ký kiểm dịch theo Mẫu 17 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Thú y ngày 19/6/2015;
- Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;
- Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016;
- Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;
- Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.



CÔNG TY.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ: .....

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tel: .....

Fax: .....

Email: .....

Số: ...../.....

....., ngày tháng năm 20...

**ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH****Kính gửi: Cục Thú y**

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty, Giám đốc Công ty.....  
 ..... đề nghị Cục Thú y hướng dẫn Công ty được kiểm dịch lô hàng sau theo  
 hình thức <sup>(1)</sup>:

Tạm nhập tái xuất ☐Tạm xuất tái nhập ☐Chuyển cửa khẩu ☐Quá cảnh lãnh thổ Việt Nam ☐

| STT | Tên hàng       | Mã số HS (mã HS theo quy định hiện hành là mã HS 8 số) | Số lượng <sup>(2)</sup> (tấn) | Nước xuất xứ | Cửa khẩu nhập | Cửa khẩu xuất |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------|---------------|---------------|
|     |                |                                                        |                               |              |               |               |
|     |                |                                                        |                               |              |               |               |
|     | <b>Tổng số</b> |                                                        |                               |              |               |               |

- Từ Công ty: .....

Địa chỉ: .....

- Tên Công ty tiếp nhận: .....

Địa chỉ: .....

- Thời gian thực hiện: .....

- Thời gian lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam: .....

- Lộ trình trên lãnh thổ Việt Nam: .....

- Các giấy tờ có liên quan kèm theo: .....

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y.

CÔNG TY.....

**Giám đốc**

(Ký tên, đóng dấu)

(1): Đề nghị chỉ đánh dấu 01 hình thức kiểm dịch nêu trên.

(2): Số lượng có thể dự trữ nhập khẩu trong 03 tháng.

## **5. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam**

### **a) Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Sau khi Cục Thú y có văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ khai báo kiểm dịch tới cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax sau đó gửi bản chính hoặc gửi trực tiếp;

Bước 2: Tại cửa khẩu, trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan kiểm dịch cửa khẩu quyết định và thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm dịch để tiến hành kiểm dịch theo quy định tại Điều 50 của Luật Thú y.

Bước 3: Tiến hành kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận

#### *\* Tại cửa khẩu nhập:*

- Kiểm tra hồ sơ kiểm dịch, thực trạng lô hàng;
- Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định;
- Niêm phong hoặc kẹp chì phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật;
- Hướng dẫn chủ hàng và thực hiện các quy định vệ sinh thú y trong quá trình lưu giữ, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật trên lãnh thổ Việt Nam; vệ sinh, khử trùng, tiêu độc phương tiện vận chuyển và nơi bốc dỡ hàng hóa;
- Trong trường hợp động vật, sản phẩm động vật được vận chuyển bằng công-ten-nơ hoặc phương tiện đóng kín khác, nếu phát hiện phương tiện vận chuyển, dấu niêm phong, kẹp chì có biểu hiện bất thường; yêu cầu chủ hàng mở công-ten-nơ, phương tiện vận chuyển để kiểm tra vệ sinh thú y với sự chứng kiến của cơ quan hải quan và chủ hàng.

*\* Chủ hàng khi vận chuyển động vật, sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam phải tuân thủ các quy định sau đây:*

- Thực hiện theo hướng dẫn trong quá trình lưu giữ, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật trên lãnh thổ Việt Nam theo quy định;
- Không tự ý bốc dỡ hàng, tháo dỡ niêm phong, kẹp chì, trừ trường hợp cần thiết thì phải có sự chứng kiến của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y;
- Không để động vật tiếp xúc với động vật trong nước; chỉ được phép thả động vật để cho ăn, uống hoặc trường hợp đặc biệt khác khi cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cho phép và giám sát;
- Phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật phải bảo đảm không làm rơi vãi chất thải trên đường đi. Xác động vật, chất thải, chất độn, thức

ăn thừa của động vật, dụng cụ chứa đựng phát sinh trong quá trình vận chuyển phải được thu gom, xử lý tại địa điểm theo hướng dẫn.

*\* Tại cửa khẩu xuất:*

- Kiểm tra Giấy chứng nhận kiểm dịch;
- Kiểm tra dấu niêm phong hoặc kẹp chì phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật;
- Nếu hàng hóa đúng với Giấy chứng nhận kiểm dịch được cấp tại cửa khẩu nhập thì xác nhận để chủ hàng làm thủ tục xuất hàng ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

Trường hợp thay đổi cửa khẩu xuất khi lô hàng đã đến cửa khẩu xuất, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu dự kiến tái xuất ban đầu xác nhận về việc đồng ý chuyển sang cửa khẩu khác nếu cửa khẩu tái xuất đã được Cục Thú y chấp thuận trong văn bản hướng dẫn kiểm dịch.

**b) Cách thức thực hiện:** Qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax sau đó gửi bản chính hoặc gửi trực tiếp.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

*\* Thành phần hồ sơ:*

- Đơn khai báo kiểm dịch theo Mẫu 3 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024).

- Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu.

*\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

**d) Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu quyết định và thông báo cho chủ hàng để tiến hành kiểm dịch.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Chứng nhận kiểm dịch động vật tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam (Mẫu 16a) (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT); Chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam (Mẫu 16b) Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

**h) Phí, lệ phí:**

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; thủy sản nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu: Theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật: Theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

**i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Đơn khai báo kiểm dịch theo Mẫu 3 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Thú y ngày 19/6/2015;
- Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;
- Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016;
- Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;
- Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.
- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG  
VẬT NAME OF ANIMAL HEALTH  
ORGANIZATION



NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT TẠM NHẬP TÁI XUẤT, CHUYỂN CỬA  
KHẨU, QUÁ CẢNH LÃNH THỔ VIỆT NAM**

*Veterinary certificate for temporarily imported for re-export, transport of point, transit of  
animal through Viet Nam*

Số: ...../CN-KĐĐVQC

Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng: .....

Name and address of exporter: .....

Tên, địa chỉ của chủ hàng (hoặc người đại diện): .....

Name and address of owner of commodity or his representative: .....

Tên, địa chỉ người nhận hàng cuối cùng: .....

Name and address of final consignee: .....

Cửa khẩu nhập: ..... Cửa khẩu xuất: .....

Declared point of entry: ..... Declared point of exit: .....

Thời gian lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam: Từ ...../...../..... đến ...../...../.....

The duration transport or storage in Vietnam: From ..... to .....

**I. MÔ TẢ CHI TIẾT HÀNG**

**IDENTIFICATION OF THE ANIMAL/S**

| Số hiệu<br>Official mark | Giống<br>Breed | Tính biệt<br>Sex | Tuổi<br>Age |
|--------------------------|----------------|------------------|-------------|
|                          |                |                  |             |
|                          |                |                  |             |
|                          |                |                  |             |
|                          |                |                  |             |
|                          |                |                  |             |

Tổng số: .....

Total:

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH**

## HEALTH CERTIFICATE

Tôi, bác sỹ thú y ký tên dưới đây chứng nhận:

*I, the undersigned official Veterinarian certifies that:*

1/ Lô hàng trên đã hoàn thành đầy đủ giấy tờ khi nhập vào Việt Nam;

*The commodities described above have been completed with all the documents when imported into Vietnam;*

2/ Động vật khỏe mạnh, không có biểu hiện lâm sàng bệnh truyền nhiễm khi nhập vào Việt Nam;

*The animal/s is/are healthy, showed no clinical sign of contagious diseases when imported into Vietnam;*

3/ Các chất thải, chất độn, các dụng cụ có liên quan đã được xử lý vệ sinh thú y theo quy định;

*Accompanying bedding, waste and tools have been treated in accordance with regulation;*

4/ Phương tiện vận chuyển bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc và niêm phong theo quy định;

*Transport means meet sanitary requirement and have been disinfected and sealed.*

### NHỮNG YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM

#### REQUIREMENTS DURING TRANSPORT IN VIETNAMESE TERRITORY

1/ Chỉ được phép vận chuyển theo lộ trình: .....

*Allowed itinerary:*

.....

2/ Nghiêm cấm vứt chất thải, xác động vật trong quá trình vận chuyển;

*Disposal of waste and dead carcasses during the transport is prohibited;*

3/ Phải thông báo cho cơ quan Thú y nơi gần nhất khi phát hiện thấy động vật có biểu hiện mắc bệnh;

*Any sign of animals disease shall be reported to the nearest veterinary authority;*

4/ Thực hiện nghiêm túc các quy định của Pháp luật về thú y khi vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam.

*Obey the stipulation of veterinary ordinance while in Vietnamese territory.*

Giấy có giá trị đến:  
...../...../.....

*Valid up to*

Giấy này làm tại .....ngày ....../...../.....

*Issued at*

*on*

**Bác sỹ thú y**(Ký, ghi rõ họ tên)  
**Veterinarian** (Signature, full name)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)  
**DIRECTOR**(Signature, stamp, full name)

### CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NƠI XUẤT

CERTIFICATION OF ANIMAL QUARANTINE ORGANIZATION AT POINT OF EXIT

.....

.....

.....

.....

.....

**Bác sĩ thú y**(Ký, ghi rõ họ tên)  
**Veterinarian** (Signature, full name)

....., ngày .... / .... / .....

Issued at:                      Date of issue:

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)  
**DIRECTOR**(Signature, stamp, full name)

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG  
VẬT NAME OF ANIMAL HEALTH  
ORGANIZATION



NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TẠM NHẬP TÁI XUẤT,  
CHUYỂN CỬA KHẨU, QUÁ CẢNH LÃNH THỔ VIỆT NAM**  
*Veterinary certificate for temporarily imported for re-export, transport of point, transit of  
animal product through Viet Nam*

Số: ...../CN-KDSPĐVQC

Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng: .....

Name and address of exporter: .....

Tên, địa chỉ của chủ hàng (hoặc người đại diện): .....

Name and address of owner of commodity or his representative: .....

Tên, địa chỉ người nhận hàng cuối cùng: .....

Name and address of final consignee: .....

Loại sản phẩm: .....

Type of products: .....

Quy cách đóng gói: .....

Type of package: .....

Số kiện hàng: ..... Khối lượng: .....

Number of package ..... Net weight: .....

Cửa khẩu nhập: ..... Cửa khẩu xuất: .....

Declared point of entry: ..... Declared point of exit: .....

Thời gian lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam: Từ ...../...../..... đến ...../...../.....

The duration transport or storage in Vietnam: From ..... to .....

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH  
HEALTH CERTIFICATE**

Tôi, bác sỹ thú y ký tên dưới đây chứng nhận:

*I, the undersigned official Veterinarian certifies that*

1/ Lô hàng trên đã hoàn thành đầy đủ giấy tờ khi nhập vào Việt Nam;

*The commodities described above have been completed with all the documents when imported into Vietnam;*

2/ Sản phẩm động vật được bao gói, bảo quản bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y;

*The animal product/s packaged and stored in accordance with Vet. sanitary requirement*

3/ Phương tiện vận chuyển bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc và niêm phong theo quy định.

*Transport means meet sanitary requirement and have been disinfected and sealed.*

**NHỮNG YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM**



# REQUIREMENTS DURING TRANSPORT IN VIETNAMESE TERRITORY

1/ Chỉ được phép vận chuyển theo lộ trình: .....

*Allowed itinerary:*

2/ Nghiêm cấm vứt chất thải, sản phẩm động vật trong quá trình vận chuyển;

*Disposal of waste and animal products during the transport is prohibited*

3/ Phải thông báo cho cơ quan thú y nơi gần nhất khi phát hiện thấy sản phẩm động vật có biểu hiện hư hỏng;

*Any sign of animals products decayed shall be reported to the nearest veterinary authority;*

4/ Thực hiện nghiêm túc các quy định của Pháp luật về thú y khi vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam.

*Obey the stipulation of veterinary ordinance while in Vietnamese territory.*

Giấy có giá trị đến:

.....

*Valid up to*

**Bác sĩ thú y (Ký, ghi rõ họ tên)**  
**Veterinarian (Signature, full name)**

Giấy này làm tại ..... ngày

...../...../.....

*Issued at ..... on*

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
**(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)**  
**DIRECTOR (Signature, stamp, full name)**

## CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NƠI XUẤT

CERTIFICATION OF ANIMAL QUARANTINE ORGANIZATION AT POINT OF EXIT

.....  
.....  
.....  
.....

**Bác sĩ thú y (Ký, ghi rõ họ tên)**  
**Veterinarian (Signature, full name)**

....., ngày ...../...../.....

*Issued at: ..... Date of issue:*

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
**(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)**  
**DIRECTOR (Signature, stamp, full name)**

## **6. Đăng ký, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập, xuất kho ngoại quan**

### **a) Trình tự thực hiện:**

#### **\* Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập, xuất kho ngoại quan**

Bước 1: Trước khi thực hiện nhập, xuất kho ngoại quan động vật, sản phẩm động vật, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch tới Cục Thú y theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax sau đó gửi bản chính hoặc gửi trực tiếp.

Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; căn cứ tình hình dịch bệnh, hệ thống quản lý giám sát dịch bệnh, giám sát vệ sinh thú y của nước xuất khẩu, Cục Thú y gửi văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch cho chủ hàng, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu qua thư điện tử hoặc gửi trên Cổng thông tin Một cửa quốc gia.

#### **\* Cấp giấy kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập, xuất kho ngoại quan**

Bước 1: Sau khi Cục Thú y có văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch, trước khi hàng đến cửa khẩu, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ khai báo kiểm dịch tới Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax sau đó gửi bản chính hoặc gửi trực tiếp.

Bước 2: Cấp Giấy chứng nhận vận chuyển để chủ hàng vận chuyển hàng hóa từ cửa khẩu nhập về kho ngoại quan.

Bước 3: Tại kho ngoại quan, cơ quan kiểm dịch cửa khẩu phối hợp với cơ quan hải quan kiểm tra thực trạng lô hàng, xác nhận để chủ hàng nhập hàng vào kho ngoại quan.

Bước 4: Trước khi xuất hàng ra khỏi kho ngoại quan, chủ hàng phải gửi hồ sơ khai báo kiểm dịch đến Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu.

Bước 5: Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch hàng hóa ra khỏi kho ngoại quan như sau:

Theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT, khoản 5 Điều 1 Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT đối với sản phẩm động vật tiêu thụ trong nước; Điều 11

Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT đối với sản phẩm động vật làm nguyên liệu gia công, chế biến thực phẩm xuất khẩu;

Thực hiện theo quy định tại Điều 50 Luật Thú y đối với sản phẩm động vật gửi kho ngoại quan để tái xuất khẩu, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch.

Trường hợp lô hàng được xuất ra khỏi kho ngoại quan từng phần, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu trừ lùi số lượng hàng trên Giấy chứng nhận kiểm dịch gốc của nước xuất khẩu, lưu bản sao chụp vào hồ sơ kiểm dịch. Giấy chứng nhận kiểm dịch gốc của nước xuất khẩu sẽ được cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thu lại và lưu vào hồ sơ của lần xuất hàng cuối cùng của lô hàng (trường hợp nhập để tiêu dùng trong nước, làm nguyên liệu sản xuất xuất khẩu) hoặc giao lại cho chủ hàng (trường hợp hàng tái xuất khẩu).

**b) Cách thức thực hiện:** Qua cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax sau đó gửi bản chính hoặc gửi trực tiếp

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ đăng ký kiểm dịch:

- Văn bản đề nghị hướng dẫn kiểm dịch theo mẫu 18 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT);

- Hợp đồng thương mại;

- Văn bản hoặc giấy phép theo quy định đối với động vật, sản phẩm động vật thuộc đối tượng quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có liên quan khác.

\* Thành phần hồ sơ khai báo kiểm dịch trước khi hàng đến cửa khẩu:

- Đơn khai báo kiểm dịch theo Mẫu 3 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT);

- Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu.

\* Thành phần hồ sơ khai báo trước khi xuất hàng ra khỏi kho ngoại quan đối với sản phẩm động vật nhập khẩu để tiêu thụ trong nước hoặc làm nguyên liệu gia công, chế biến thực phẩm xuất khẩu:

- Đơn khai báo kiểm dịch theo Mẫu 3 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT);

- Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu.

\* Thành phần hồ sơ khai báo trước khi xuất hàng ra khỏi kho ngoại quan đối với động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu sang nước khác hoặc tàu du lịch nước ngoài:

- Đơn khai báo kiểm dịch theo Mẫu 2 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT)

- Yêu cầu vệ sinh thú y của nước nhập khẩu hoặc chủ hàng (nếu có);

- Mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu (nếu có).

**d) Thời hạn giải quyết:** Cục Thú y gửi văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cục Thú y thực hiện đối với việc đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập, xuất kho ngoại quan.

- Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện đối với việc cấp giấy kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập, xuất kho ngoại quan.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Văn bản hướng dẫn kiểm dịch;

- Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật xuất khẩu theo Mẫu số 13a Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

- Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật xuất khẩu theo Mẫu số 13b Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

- Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu đối với động vật theo Mẫu 15a ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

- Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu đối với sản phẩm động vật theo Mẫu 15b ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

- Chứng nhận kiểm dịch động vật tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam (Mẫu 16a) (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT); Chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam (Mẫu 16b) Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

#### **h) Phí, lệ phí:**

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; thủy sản nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập tái xuất (gồm kho ngoại quan), chuyển cửa khẩu: Theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật: Theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

#### **i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Văn bản đề nghị hướng dẫn kiểm dịch theo Mẫu 18 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT);

- Đơn khai báo kiểm dịch theo Mẫu 3 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT);

- Đơn khai báo kiểm dịch theo Mẫu 2 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

#### **k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định

#### **l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Thú y ngày 19/6/2015;

- Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

- Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016;

- Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

- Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU**

Số: ...../ĐK-KDXK

Kính gửi: .....

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện): .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân: ..... Cấp ngày ...../...../.....

tại .....

Điện thoại: .....Fax: .....Email: .....

Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

**I/ ĐỘNG VẬT:**

| Loại động vật  | Mã số HS (mã HS theo quy định hiện hành là mã HS 8 số) | Giống | Tuổi | Tính biệt |     | Mục đích sử dụng |
|----------------|--------------------------------------------------------|-------|------|-----------|-----|------------------|
|                |                                                        |       |      | Đực       | Cái |                  |
|                |                                                        |       |      |           |     |                  |
|                |                                                        |       |      |           |     |                  |
|                |                                                        |       |      |           |     |                  |
|                |                                                        |       |      |           |     |                  |
|                |                                                        |       |      |           |     |                  |
| <b>Tổng số</b> |                                                        |       |      |           |     |                  |

Tổng số (viết bằng chữ): .....

Nơi xuất phát: .....

Tình trạng sức khỏe động vật: .....

.....

Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với bệnh: .....

..... theo Quyết định số ...../.....ngày...../...../.....của  
 ..... (1) .....(nếu có).

Số động vật trên đã được xét nghiệm các bệnh sau (nếu có):

1/ .....Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

2/ .....Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

3/ .....Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

4/ .....Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

5/ .....Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

Số động vật trên đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh sau (loại vắc xin, nơi sản xuất):

1/ .....tiêm phòng ngày...../...../.....

2/ .....tiêm phòng ngày...../...../.....

3/ .....tiêm phòng ngày...../...../.....

4/ .....tiêm phòng ngày...../...../.....

5/ .....tiêm phòng ngày...../...../.....

## II/ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT:

| Tên hàng | Mã số HS (mã HS theo quy định hiện hành là mã HS 8 số) | Quy cách đóng gói | Số lượng (2) | Khối lượng (kg) | Mục đích sử dụng |
|----------|--------------------------------------------------------|-------------------|--------------|-----------------|------------------|
|          |                                                        |                   |              |                 |                  |
|          |                                                        |                   |              |                 |                  |
|          |                                                        |                   |              |                 |                  |
|          |                                                        |                   |              |                 |                  |
|          | <b>Tổng số</b>                                         |                   |              |                 |                  |

Tổng số (viết bằng chữ): .....

Số sản phẩm động vật trên đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo kết quả xét nghiệm số ...../.....ngày...../...../.....của .....(3)..... (nếu có).

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất: .....

.....

Điện thoại: .....Fax: .....

## III/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân nhập khẩu: .....

.....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Cửa khẩu xuất: .....

Thời gian hàng đến cửa khẩu xuất: .....Phương tiện vận chuyển:.....

Nước nhập khẩu: .....Nước quá cảnh (nếu có): .....

Điều kiện bảo quản hàng trong vận chuyển: .....

Các vật dụng khác có liên quan kèm theo trong vận chuyển: .....

Hồ sơ giấy tờ liên quan đến hàng vận chuyển gồm: .....

.....

.....



Địa điểm cách ly kiểm dịch: .....

Thời gian tiến hành kiểm dịch: .....

Tôi xin cam đoan việc khai báo trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

**Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH**

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm.....

..... vào hồi .....giờ..... ngày ...../...../.....

Vào sổ đăng ký số..... ngày ...../...../.....

Đăng ký tại.....

Ngày .....tháng .....năm .....

**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT**

(Ký, ghi rõ họ tên)

- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;
- (1) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận.
- (2) Số lượng kiện, thùng, hộp, ....
- (3) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng .....năm .....

**ĐƠN KHAI BÁO KIỂM DỊCH (\*)**

Số: ...../ĐK-KD

Kính gửi: .....(\*\*)

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....Fax .....E-mail .....

Đề nghị quý Cơ quan kiểm dịch lô hàng (\*\*): .....(nhập khẩu, TNTX, quá cảnh lãnh thổ,...)

1. Tên hàng: .....

1a. Mã số HS (mã HS theo quy định hiện hành là mã HS 8 số) .....

2. Nơi sản xuất: .....

3. Số lượng: .....

4. Trọng lượng tịnh: .....

5. Trọng lượng cả bì: .....

6. Loại bao bì: .....

7. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán (L/C, TTr...):.....

8. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu: .....

9. Nước xuất khẩu: .....

10. Cửa khẩu xuất: .....

11. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu: .....

12. Nước nhập khẩu: .....

13. Phương tiện vận chuyển: .....

14. Cửa khẩu nhập: .....

15. Mục đích sử dụng: .....

16. Văn bản chấp thuận kiểm dịch của Cục Thú y (nếu có): .....

17. Địa điểm kiểm dịch: .....

18. Thời gian kiểm dịch: .....

19. Địa điểm giám sát (nếu có): .....

20. Thời gian giám sát: .....

21. Số bản giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp: .....

22. Số, ngày vận đơn/hoặc hợp đồng vận chuyển (nếu có):.....

Chúng tôi xin cam kết: bảo đảm nguyên trạng hàng hóa nhập khẩu, đưa về đúng địa điểm, đúng thời gian được đăng ký và chỉ đưa hàng hóa ra lưu thông sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch (\*\*\*\*\*).

**TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT:**

Đồng ý đưa hàng hóa về địa điểm: .....

.....  
để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi ..... giờ, ngày ..... tháng ..... năm .....

Vào sổ số ....., ngày ..... tháng ..... năm.....

.....(\*\*)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(\*) Đăng ký theo mẫu này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;

(\*\*) Tên Cơ quan Kiểm dịch;

(\*\*\*) Phải có đầy đủ các tiêu chí theo đúng thứ tự và khai các tiêu chí thích hợp đối với lô hàng;

(\*\*\*\*) Cam kết này chỉ ghi khi đăng ký kiểm dịch đối với hàng hóa nhập khẩu;

Lưu ý: Cá nhân đăng ký không có con dấu phải ghi rõ Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân, ngày tháng và nơi cấp.

CÔNG TY.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ: .....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tel: .....

Fax: .....

Email: .....

Số: ...../.....

....., ngày .... tháng .... năm.....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH XUẤT/NHẬP KHO NGOẠI QUAN ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT**

Kính gửi: Cục Thú y

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh, Công ty ..... đề nghị Cục Thú y hướng dẫn kiểm dịch số hàng sau theo hình thức xuất/nhập kho ngoại quan. Chi tiết lô hàng như sau:

| STT            | Tên hàng | Mã số HS (mã HS theo quy định hiện hành là mã HS 8 số) | Số lượng | Đơn vị tính | Nước xuất xứ |
|----------------|----------|--------------------------------------------------------|----------|-------------|--------------|
|                |          |                                                        |          |             |              |
|                |          |                                                        |          |             |              |
| <b>Tổng số</b> |          |                                                        |          |             |              |

- Từ Công ty: .....

Địa chỉ: .....

- Cửa khẩu nhập: .....

- Tên, địa chỉ kho ngoại quan: .....

Giấy phép số .....ngày ...../ ...../....., thời hạn: .....hoặc Hợp đồng thuê kho ngoại quan số: .....ngày ...../ ...../....., thời hạn:.....

- Mục đích nhập hàng vào kho ngoại quan: .....

- Thời gian thực hiện: .....

- Các giấy tờ có liên quan kèm theo: .....

.....

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y./.

**GIÁM ĐỐC**

(Ký tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**

- Số lượng hàng có thể dự trữ để thực hiện trong 03 tháng.

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH  
ĐỘNG VẬT NAME OF ANIMAL  
HEALTH ORGANIZATION



NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU

### ANIMAL HEALTH CERTIFICATE FOR EXPORT

Số: ...../CN-KĐDVXK

Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng: .....

Name and address of exporter:

.....

Tel: ..... Fax: ..... Email: .....

Nơi xuất phát của động vật: .....

Place of origin of the animal/s:

### I. MÔ TẢ CHI TIẾT HÀNG

#### IDENTIFICATION OF THE ANIMAL/S

| Số hiệu<br>Official mark | Giống<br>Breed | Tính biệt<br>Sex | Tuổi<br>Age |
|--------------------------|----------------|------------------|-------------|
|                          |                |                  |             |
|                          |                |                  |             |
|                          |                |                  |             |

Tổng số: .....

Total:

### II. XUẤT ĐI

#### DESTINATION OF THE ANIMAL/S

Nước nhập hàng: ..... Phương tiện vận chuyển: .....

Country of destination: ..... Means of transport:

Tên, địa chỉ người nhận hàng: .....

Name and address of consignee:

.....

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH****HEALTH CERTIFICATE**

Tôi, bác sĩ thú y ký tên dưới đây chứng nhận số động vật trên đã được kiểm tra:

*I, the undersigned official Veterinarian certify that the animal/s described above was/were examined:*

a/ Không có biểu hiện lâm sàng bệnh truyền nhiễm trong ngày xuất phát.

*Showed no clinical sign of contagious diseases on the day of shipment.*

b/ Đáp ứng được các yêu cầu sau:

*Satisfies/satisfy the following requirements:*

.....  
 .....  
 .....

Giấy có giá trị đến:  
 ...../...../.....

*Valid up to*

Giấy này làm tại ..... ngày ..../..../....

*Issued at*

*on*

**Bác sĩ thú y**(Ký, ghi rõ họ tên)  
**Veterinarian** (Signature, full name)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)  
**DIRECTOR**(Signature, stamp, full name)

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG  
VẬT NAME OF ANIMAL HEALTH  
ORGANIZATION



NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU**  
**HEALTH CERTIFICATE FOR EXPORT OF ANIMAL PRODUCTS**

Số: ...../CN-KDSPĐVXX

Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng: .....

Name and address of exporter:

.....

Tel: ..... Fax: ..... Email: .....

Tên, địa chỉ người nhận hàng: .....

Name and address of consignee:

.....

Loại sản phẩm: .....

Type of products:

Quy cách đóng gói: .....

Type of package:

Số kiện hàng: ..... Khối lượng: .....

Number of package:

Net weight:

Tên, địa chỉ nhà máy sản xuất, chế biến hàng: .....

Name and address of the processing establishment:

.....

Tel: ..... Fax: .....

Phương tiện vận chuyển: .....

Means of transport:

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH**  
**HEALTH CERTIFICATE**

Tôi, bác sĩ thú y ký tên dưới đây chứng nhận số sản phẩm động vật trên đáp ứng được các yêu cầu sau:

*I, the undersigned official Veterinarian certify that the products described above satisfy the following requirement:*

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Giấy có giá trị đến:  
...../...../.....  
*Valid up to*

**Bác sĩ thú y**(Ký, ghi rõ họ tên)  
**Veterinarian** (Signature, full name)

Giấy này làm tại ..... ngày .... / .... / ....  
*Issued at* *on*

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)  
**DIRECTOR**(Signature, stamp, full name)



**TÊN CƠ QUAN KIỂM  
DỊCH ĐỘNG VẬT**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU**

Số: ...../CN-KĐĐVNK

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện): .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân: .....Cấp ngày ...../...../.....

tại .....

Điện thoại: .....Fax: .....Email: .....

Có nhập khẩu số động vật sau:

| Loại động vật  | Tuổi | Tính biệt |     | Số lượng<br>(con) | Mục đích sử dụng |
|----------------|------|-----------|-----|-------------------|------------------|
|                |      | Đực       | Cái |                   |                  |
|                |      |           |     |                   |                  |
|                |      |           |     |                   |                  |
|                |      |           |     |                   |                  |
|                |      |           |     |                   |                  |
| <b>Tổng số</b> |      |           |     |                   |                  |

Tổng số (viết bằng chữ): .....

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu: .....

Nước xuất khẩu: ..... Nước quá cảnh (nếu có) .....

Nơi chuyển đến: .....

Các vật dụng khác có liên quan: .....

Hồ sơ giấy tờ có liên quan: .....

Số, ngày vận đơn/hợp đồng vận chuyển (nếu có): .....

Phương tiện vận chuyển: .....

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH**

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số động vật nêu trên:

1. Có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.
2. Đã được kiểm tra và không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi nhập khẩu.

3. Số động vật trên đã được tiêm phòng và có miễn dịch với các bệnh:

a/ .....Tiêm phòng ngày ...../...../.....

b/ .....Tiêm phòng ngày ...../...../.....

c/ .....Tiêm phòng ngày ...../...../.....

4. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng .....nồng độ.....

5. Động vật đã được xét nghiệm và cho kết quả âm tính với các bệnh..... tại kết quả xét nghiệm số...../ ..... ngày...../...../.....của..... (nếu có)

*Giấy có giá trị đến:*  
...../...../.....

*Cấp tại ....., ngày .../.../....*

**Kiểm dịch viên động vật**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**TÊN CƠ QUAN KIỂM  
DỊCH ĐỘNG VẬT**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU**

Số: ...../CN-KDSPĐVNK

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện): .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Có nhập khẩu số sản phẩm động vật sau:

| Loại hàng      | Quy cách đóng gói | Số lượng (1) | Trọng lượng (kg) | Mục đích sử dụng |
|----------------|-------------------|--------------|------------------|------------------|
|                |                   |              |                  |                  |
|                |                   |              |                  |                  |
|                |                   |              |                  |                  |
| <b>Tổng số</b> |                   |              |                  |                  |

Tổng số (viết bằng chữ): .....

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu: .....

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất, chế biến: .....

Nước xuất khẩu: ..... Nước quá cảnh (nếu có): .....

Cửa khẩu nhập vào Việt Nam: ..... Thời gian nhập: ...../...../.....

Nơi chuyển đến: .....

Các vật dụng khác có liên quan: .....

Hồ sơ giấy tờ có liên quan: .....

Số, ngày vận đơn/hợp đồng vận chuyển (nếu có): .....

Phương tiện vận chuyển: .....

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH**

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số sản phẩm động vật nêu trên:

1. Có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.
2. Đã được kiểm tra và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y khi nhập khẩu.
3. Sản phẩm động vật được bao gói, bảo quản theo quy định.

4. Số sản phẩm động vật trên đã được khử trùng tiêu độc bằng ..... nồng độ ..... (nếu có).

5. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng ..... nồng độ .....

6. Sản phẩm động vật đã được xét nghiệm và cho kết quả âm tính với các bệnh..... tại kết quả xét nghiệm số...../..... ngày...../...../..... của..... (nếu có)

*Giấy có giá trị đến:*  
...../...../.....

*Cấp tại ....., ngày .... / .... / ....*

**Kiểm dịch viên động vật**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(1) Số lượng kiện, thùng, hộp, .....

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG  
VẬT NAME OF ANIMAL HEALTH  
ORGANIZATION



NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT TẠM NHẬP TÁI XUẤT, CHUYỂN CỬA  
KHẨU, QUÁ CẢNH LÃNH THỔ VIỆT NAM**

*Veterinary certificate for temporarily imported for re-export, transport of point, transit of  
animal through Viet Nam*

Số: ...../CN-KĐĐVQC

Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng: .....

Name and address of exporter: .....

Tên, địa chỉ của chủ hàng (hoặc người đại diện): .....

Name and address of owner of commodity or his representative: .....

Tên, địa chỉ người nhận hàng cuối cùng: .....

Name and address of final consignee: .....

Cửa khẩu nhập: ..... Cửa khẩu xuất: .....

Declared point of entry: ..... Declared point of exit: .....

Thời gian lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam: Từ ...../...../..... đến ...../...../.....

The duration transport or storage in Vietnam: From ..... to .....

**I. MÔ TẢ CHI TIẾT HÀNG**

**IDENTIFICATION OF THE ANIMAL/S**

| Số hiệu<br>Official mark | Giống<br>Breed | Tính biệt<br>Sex | Tuổi<br>Age |
|--------------------------|----------------|------------------|-------------|
|                          |                |                  |             |
|                          |                |                  |             |
|                          |                |                  |             |
|                          |                |                  |             |
|                          |                |                  |             |

Tổng số: .....

Total:

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH**

## HEALTH CERTIFICATE

Tôi, bác sỹ thú y ký tên dưới đây chứng nhận:

*I, the undersigned official Veterinarian certifies that:*

1/ Lô hàng trên đã hoàn thành đầy đủ giấy tờ khi nhập vào Việt Nam;

*The commodities described above have been completed with all the documents when imported into Vietnam;*

2/ Động vật khỏe mạnh, không có biểu hiện lâm sàng bệnh truyền nhiễm khi nhập vào Việt Nam;

*The animal/s is/are healthy, showed no clinical sign of contagious diseases when imported into Vietnam;*

3/ Các chất thải, chất độn, các dụng cụ có liên quan đã được xử lý vệ sinh thú y theo quy định;

*Accompanying bedding, waste and tools have been treated in accordance with regulation;*

4/ Phương tiện vận chuyển bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc và niêm phong theo quy định;

*Transport means meet sanitary requirement and have been disinfected and sealed.*

### NHỮNG YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM

#### REQUIREMENTS DURING TRANSPORT IN VIETNAMESE TERRITORY

1/ Chỉ được phép vận chuyển theo lộ trình: .....

*Allowed itinerary:*

.....

2/ Nghiêm cấm vứt chất thải, xác động vật trong quá trình vận chuyển;

*Disposal of waste and dead carcasses during the transport is prohibited;*

3/ Phải thông báo cho cơ quan Thú y nơi gần nhất khi phát hiện thấy động vật có biểu hiện mắc bệnh;

*Any sign of animals disease shall be reported to the nearest veterinary authority;*

4/ Thực hiện nghiêm túc các quy định của Pháp luật về thú y khi vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam.

*Obey the stipulation of veterinary ordinance while in Vietnamese territory.*

Giấy có giá trị đến:  
...../...../.....

*Valid up to*

Giấy này làm tại .....ngày ....../...../.....

*Issued at*

*on*

**Bác sỹ thú y**(Ký, ghi rõ họ tên)  
**Veterinarian** (Signature, full name)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)  
**DIRECTOR**(Signature, stamp, full name)

### CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NƠI XUẤT

#### CERTIFICATION OF ANIMAL QUARANTINE ORGANIZATION AT POINT OF EXIT

.....

.....

.....

.....

.....

**Bác sĩ thú y**(Ký, ghi rõ họ tên)  
**Veterinarian** (Signature, full name)

....., ngày .../.../.....  
Issued at:                      Date of issue:

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)  
**DIRECTOR**(Signature, stamp, full name)

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG  
VẬT NAME OF ANIMAL HEALTH  
ORGANIZATION



NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TẠM NHẬP TÁI XUẤT,  
CHUYỂN CỬA KHẨU, QUÁ CẢNH LÃNH THỔ VIỆT NAM**  
*Veterinary certificate for temporarily imported for re-export, transport of point, transit of  
animal product through Viet Nam*

Số: ...../CN-KDSPĐVQC

Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng: .....

Name and address of exporter: .....

Tên, địa chỉ của chủ hàng (hoặc người đại diện): .....

Name and address of owner of commodity or his representative: .....

Tên, địa chỉ người nhận hàng cuối cùng: .....

Name and address of final consignee: .....

Loại sản phẩm: .....

Type of products: .....

Quy cách đóng gói: .....

Type of package: .....

Số kiện hàng: ..... Khối lượng: .....

Number of package ..... Net weight: .....

Cửa khẩu nhập: ..... Cửa khẩu xuất: .....

Declared point of entry: ..... Declared point of exit: .....

Thời gian lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam: Từ ...../...../..... đến ...../...../.....

The duration transport or storage in Vietnam: From ..... to .....

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH  
HEALTH CERTIFICATE**

Tôi, bác sỹ thú y ký tên dưới đây chứng nhận:

I, the undersigned official Veterinarian certifies that

1/ Lô hàng trên đã hoàn thành đầy đủ giấy tờ khi nhập vào Việt Nam;

The commodities described above have been completed with all the documents when imported into Vietnam;

2/ Sản phẩm động vật được bao gói, bảo quản bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y;

The animal product/s packaged and stored in accordance with Vet. sanitary requirement

3/ Phương tiện vận chuyển bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc và niêm phong theo quy định.

Transport means meet sanitary requirement and have been disinfected and sealed.

**NHỮNG YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM**



# REQUIREMENTS DURING TRANSPORT IN VIETNAMESE TERRITORY

1/ Chỉ được phép vận chuyển theo lộ trình: .....

*Allowed itinerary:*

2/ Nghiêm cấm vứt chất thải, sản phẩm động vật trong quá trình vận chuyển;

*Disposal of waste and animal products during the transport is prohibited*

3/ Phải thông báo cho cơ quan thú y nơi gần nhất khi phát hiện thấy sản phẩm động vật có biểu hiện hư hỏng;

*Any sign of animals products decayed shall be reported to the nearest veterinary authority;*

4/ Thực hiện nghiêm túc các quy định của Pháp luật về thú y khi vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam.

*Obey the stipulation of veterinary ordinance while in Vietnamese territory.*

Giấy có giá trị đến:

.....

*Valid up to*

**Bác sĩ thú y** (Ký, ghi rõ họ tên)  
**Veterinarian** (Signature, full name)

Giấy này làm tại ..... ngày

...../...../.....

*Issued at* ..... *on*

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)  
**DIRECTOR**(Signature, stamp, full name)

## CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NƠI XUẤT

CERTIFICATION OF ANIMAL QUARANTINE ORGANIZATION AT POINT OF EXIT

.....  
.....  
.....  
.....

**Bác sĩ thú y** (Ký, ghi rõ họ tên)  
**Veterinarian** (Signature, full name)

....., ngày ...../...../.....

*Issued at:* ..... *Date of issue:*

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)  
**DIRECTOR**(Signature, stamp, full name)

## **7. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh**

### **a) Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Trước khi vận chuyển động vật, sản phẩm động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh, chủ hàng phải đăng ký kiểm dịch với Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh hoặc Trạm thuộc Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh được ủy quyền (sau đây gọi là cơ quan kiểm dịch động vật nội địa).

Bước 2: Tiến hành kiểm dịch và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch.

#### **(i) Kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh:**

*\* Đối với động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:*

+ Kiểm tra lâm sàng;

+ Lấy mẫu xét nghiệm bệnh theo quy định tại Mục I của Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT và Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT): Mẫu xét nghiệm là mẫu gộp từ 05 mẫu đơn thành 01 mẫu để xét nghiệm tác nhân gây bệnh. Chỉ gộp mẫu đơn cùng loài động vật, cùng lô hàng, cùng một cơ sở chăn nuôi hoặc thu gom, kinh doanh động vật. Trường hợp không thể gộp mẫu để xét nghiệm theo mẫu gộp, xét nghiệm các tác nhân gây bệnh theo mẫu đơn;

+ Niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;

+ Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;

+ Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 05 ngày làm việc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do; trường hợp động vật không bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y, cơ quan kiểm dịch động vật không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, tiến hành xử lý theo quy định và thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Thông báo cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin sau đây: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, số lượng hàng, mục đích sử dụng, biện pháp kiểm soát phương tiện vận chuyển. Thực hiện thông báo ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch đối với động vật vận chuyển để làm giống, tổng hợp thông báo theo tuần đối với động vật vận chuyển để giết mổ.

*\* Đối với động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung*

tại Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT), cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:

- + Niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;
- + Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;
- + Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch;
- + Thông báo cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin sau đây: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, số lượng hàng, mục đích sử dụng, biên kiểm soát phương tiện vận chuyển. Thực hiện thông báo ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch đối với động vật vận chuyển để làm giống, tổng hợp thông báo theo tuần đối với động vật vận chuyển để giết mổ.

**(ii) Kiểm dịch sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh**

*\* Đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y, cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:*

- + Kiểm tra thực trạng hàng hóa; điều kiện bao gói, bảo quản sản phẩm động vật;
- + Lấy mẫu kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT;
- + Niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;
- + Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;
- + Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 05 ngày làm việc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do; trường hợp sản phẩm động vật không bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y, cơ quan kiểm dịch động vật không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, tiến hành xử lý theo quy định và thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;
- + Tổng hợp thông báo theo tuần cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin sau đây: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, loại hàng, số lượng hàng, mục đích sử dụng, biên kiểm soát phương tiện vận chuyển.

*\* Đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ*

*lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT; từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y; cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:*

+ Niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;

+ Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;

+ Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch;

+ Tổng hợp thông báo theo tuần cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin sau đây: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, loại hàng, số lượng hàng, mục đích sử dụng, biển kiểm soát phương tiện vận chuyển.

**b) Cách thức thực hiện:** không quy định

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ: Giấy đăng ký theo Mẫu 1 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024)

\* Số lượng hồ sơ: Không quy định

**d) Thời hạn giải quyết:**

**(i) Kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh:**

\* Đối với động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch.

\* Đối với động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT): Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch.

**(ii) Kiểm dịch sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh**

\* Đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch.

*\* Đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT, từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch.*

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh hoặc Trạm thuộc Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh được ủy quyền

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo Mẫu 12a Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT trong trường hợp Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh không thực hiện việc ủy quyền kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh;

- Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo Mẫu 12b Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT trong trường hợp Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh thực hiện việc ủy quyền kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh;

- Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo Mẫu 12c Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT trong trường hợp Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh không thực hiện việc ủy quyền kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh;

- Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo Mẫu 12d Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT trong trường hợp Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh thực hiện việc ủy quyền kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.

**h) Phí, lệ phí:**

- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật: Theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

**ì) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Giấy đăng ký theo Mẫu 1 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Thú y ngày 19/6/2015;
- Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;
- Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016;
- Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;
- Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.
- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y
- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN  
 RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**

Số: ...../ĐK-KĐĐV

Kính gửi: .....

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện): .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân: ..... Cấp ngày ...../...../.....  
 tại .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

**I/ ĐỘNG VẬT:**

| Loại động vật  | Giống | Tuổi | Tính biệt |     | Mục đích sử dụng |
|----------------|-------|------|-----------|-----|------------------|
|                |       |      | Đực       | Cái |                  |
|                |       |      |           |     |                  |
|                |       |      |           |     |                  |
|                |       |      |           |     |                  |
|                |       |      |           |     |                  |
|                |       |      |           |     |                  |
| <b>Tổng số</b> |       |      |           |     |                  |

Tổng số (viết bằng chữ): .....

Nơi xuất phát: .....

Tình trạng sức khỏe động vật: .....

Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với bệnh: .....  
 ..... theo Quyết định số ...../.....ngày...../...../.....của  
 ..... (1) .....(nếu có).

Số động vật trên đã được xét nghiệm các bệnh sau (nếu có):

1/ ..... Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

2/ ..... Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

3/ .....Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

4/ .....Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

5/ .....Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

Số động vật trên đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh sau (loại vắc xin, nơi sản xuất):

1/ .....tiêm phòng ngày...../...../.....

2/ .....tiêm phòng ngày...../...../.....

3/ .....tiêm phòng ngày...../...../.....

4/ .....tiêm phòng ngày...../...../.....

5/ .....tiêm phòng ngày...../...../.....

## II/ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT:

| Tên hàng       | Quy cách đóng gói | Số lượng<br>(2) | Khối lượng<br>(kg) | Mục đích sử dụng |
|----------------|-------------------|-----------------|--------------------|------------------|
|                |                   |                 |                    |                  |
|                |                   |                 |                    |                  |
|                |                   |                 |                    |                  |
|                |                   |                 |                    |                  |
| <b>Tổng số</b> |                   |                 |                    |                  |

Tổng số (viết bằng chữ): .....

Số sản phẩm động vật trên đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo kết quả xét nghiệm số ...../.....ngày...../...../.....của .....(3)..... (nếu có).

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất: .....

.....

Điện thoại: .....Fax: .....

## III/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Tên tổ chức, cá nhân nhập hàng: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....Fax: .....

Nơi đến (cuối cùng): .....

Phương tiện vận chuyển: .....

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ .....Số lượng: .....Khối lượng: .....

2/ .....Số lượng: .....Khối lượng: .....

3/ .....Số lượng: .....Khối lượng: .....

Điều kiện bảo quản hàng trong quá trình vận chuyển: .....

Các vật dụng khác liên quan kèm theo: .....



.....  
 Các giấy tờ liên quan kèm theo: .....

.....  
 Địa điểm kiểm dịch: .....

Thời gian kiểm dịch: .....

Tôi xin cam đoan việc đăng ký trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

**Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT**

Đăng ký tại.....

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm.....

Ngày .....tháng .....năm .....

**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ**

..... vào hồi .....giờ..... ngày ...../...../.....

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Vào sổ đăng ký số..... ngày ...../...../.....

**KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT**

(Ký, ghi rõ họ tên)

- Đơn đăng ký được làm 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ;
- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;
- (1) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận.
- (2) Số lượng kiện, thùng, hộp,....
- (3) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

**TÊN CƠ QUAN KIỂM  
DỊCH ĐỘNG VẬT...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN  
CẤP TỈNH**

Số: ...../CN-KDDV

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện): .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Vận chuyển số động vật sau:

| Loại động vật  | Tuổi<br>(1) | Tính biệt |     | Số lượng<br>(con) | Mục đích sử dụng |
|----------------|-------------|-----------|-----|-------------------|------------------|
|                |             | Đực       | Cái |                   |                  |
|                |             |           |     |                   |                  |
|                |             |           |     |                   |                  |
|                |             |           |     |                   |                  |
| <b>Tổng số</b> |             |           |     |                   |                  |

Tổng số (viết bằng chữ): .....

Nơi xuất phát: .....

Nơi đến cuối cùng: .....

Phương tiện vận chuyển: .....Biển kiểm soát: .....

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ ..... Số lượng: .....

2/ ..... Số lượng: .....

3/ ..... Số lượng: .....

Các vật dụng khác có liên quan: .....

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH**

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với các bệnh: .....

.....

2/ Số động vật trên không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi xuất phát;

3/ Động vật đã được xét nghiệm và có kết quả âm tính với các bệnh: .....

..... tại kết quả xét nghiệm số: ...../.....

ngày ...../ ...../ ..... của ..... (2) .....(gửi kèm bản sao, nếu có).

4/ Động vật đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh:

- .....tiêm phòng ngày ...../ ...../.....
- .....tiêm phòng ngày ...../ ...../.....
- .....tiêm phòng ngày ...../ ...../.....
- .....tiêm phòng ngày ...../ ...../.....

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng .....nồng độ.....

Giấy có giá trị đến ngày: ...../...../.....

**Kiểm dịch viên động vật**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cấp tại ....., ngày ...../...../.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(1): Đối với động vật làm giống.

(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

**TÊN CƠ QUAN KIỂM  
DỊCH ĐỘNG VẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN  
RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**

Số: ...../CN-KĐĐV-UQ

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện): .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Vận chuyển số động vật sau:

| Loại động vật  | Tuổi<br>(1) | Tính biệt |     | Số lượng<br>(con) | Mục đích sử dụng |
|----------------|-------------|-----------|-----|-------------------|------------------|
|                |             | Đực       | Cái |                   |                  |
|                |             |           |     |                   |                  |
|                |             |           |     |                   |                  |
|                |             |           |     |                   |                  |
| <b>Tổng số</b> |             |           |     |                   |                  |

Tổng số (viết bằng chữ): .....

Nơi xuất phát: .....

Nơi đến cuối cùng: .....

Phương tiện vận chuyển: .....Biển kiểm soát: .....

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có): .....

1/ ..... Số lượng: .....

2/ ..... Số lượng: .....

3/ ..... Số lượng: .....

Các vật dụng khác có liên quan: .....

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH**

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với các bệnh: .....

2/ Số động vật trên không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi xuất phát;

3/ Động vật đã được xét nghiệm và có kết quả âm tính với các bệnh: .....

..... tại kết quả xét nghiệm số: ...../ .....  
 ngày ...../ ...../ ..... của ..... (2) .....(gửi kèm bản sao, nếu có).

4/ Động vật đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh:

- .....tiêm phòng ngày ...../ ...../.....
- .....tiêm phòng ngày ...../ ...../.....
- .....tiêm phòng ngày ...../ ...../.....
- .....tiêm phòng ngày ...../ ...../.....

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng .....nồng độ.....

Giấy có giá trị đến ngày: ...../...../.....

Cấp tại ....., ngày ...../...../.....

**KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(1): Đối với động vật làm giống.

(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

**TÊN CƠ QUAN KIỂM  
DỊCH ĐỘNG VẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA  
KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**

Số: ...../CN-KDSPĐV

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện): .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Vận chuyển số sản phẩm động vật sau:

| Loại hàng      | Quy cách đóng gói | Số lượng (1) | Khối lượng (kg) | Mục đích sử dụng |
|----------------|-------------------|--------------|-----------------|------------------|
|                |                   |              |                 |                  |
|                |                   |              |                 |                  |
|                |                   |              |                 |                  |
| <b>Tổng số</b> |                   |              |                 |                  |

Tổng số (viết bằng chữ): .....

Tên cơ sở sản xuất, sơ chế, bảo quản: .....

Địa chỉ: .....

Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Nơi đến cuối cùng: .....

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ ..... Số lượng: ..... Khối lượng: .....

2/ ..... Số lượng: ..... Khối lượng: .....

3/ ..... Số lượng: ..... Khối lượng: .....

Phương tiện vận chuyển: ..... Biển kiểm soát .....

Điều kiện bảo quản hàng khi vận chuyển: .....

Các vật dụng khác có liên quan: .....

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH**

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Sản phẩm động vật trên được lấy từ động vật khỏe mạnh; xuất phát từ vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh và được giết mổ, sơ chế, bảo quản bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định;

2/ Sản phẩm động vật trên đã được kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y tại kết quả xét nghiệm số: ...../..... ngày ...../...../..... của .....(2).....(gửi kèm bản sao, nếu có).

3/ Sản phẩm động vật trên đáp ứng các yêu cầu sau: .....  
.....

4/ Sản phẩm động vật đã được khử trùng tiêu độc bằng ..... nồng độ ..... (nếu có).

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng ..... nồng độ .....

Giấy có giá trị đến ngày: ...../...../.....

**Kiểm dịch viên động vật**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cấp tại ....., ngày ...../...../.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(1): Số lượng kiện, thùng, hộp, ...

(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

**TÊN CƠ QUAN KIỂM  
DỊCH ĐỘNG VẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT  
VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**

Số: ...../CN-KDSPĐV-UQ

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện): .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Điện thoại: .....Fax: .....Email: .....

Vận chuyển số sản phẩm động vật sau:

| Loại hàng      | Quy cách đóng gói | Số lượng (1) | Khối lượng (kg) | Mục đích sử dụng |
|----------------|-------------------|--------------|-----------------|------------------|
|                |                   |              |                 |                  |
|                |                   |              |                 |                  |
|                |                   |              |                 |                  |
| <b>Tổng số</b> |                   |              |                 |                  |

Tổng số (viết bằng chữ): .....

Tên cơ sở sản xuất, sơ chế, bảo quản: .....

Địa chỉ: .....

Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....Fax: .....Email: .....

Nơi đến cuối cùng: .....

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ .....Số lượng: .....Khối lượng: .

2/ .....Số lượng: .....Khối lượng: .

3/ .....Số lượng: .....Khối lượng: .

Phương tiện vận chuyển: .....Biên kiểm soát .....

Điều kiện bảo quản hàng khi vận chuyển: .....

Các vật dụng khác có liên quan: .....



**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH**

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Sản phẩm động vật trên được lấy từ động vật khỏe mạnh; xuất phát từ vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh và được giết mổ, sơ chế, bảo quản bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định;

2/ Sản phẩm động vật trên đã được kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y tại kết quả xét nghiệm số: ...../..... ngày ...../...../..... của .....(2).....(gửi kèm bản sao, nếu có).

3/ Sản phẩm động vật trên đáp ứng các yêu cầu sau: .....  
.....

4/ Sản phẩm động vật đã được khử trùng tiêu độc bằng ..... nồng độ ..... (nếu có).

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng ..... nồng độ .....

Giấy có giá trị đến ngày: ...../...../.....

Cấp tại ....., ngày ...../...../.....  
**KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

(1): Số lượng kiện, thùng, hộp, ...

(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.